

MỐI QUAN HỆ GIỮA CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC VÀ CẢI CÁCH QUẢN LÝ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ Ở VIỆT NAM

PGS.TS. Đào Thị Ái Thi
Trưởng Quản lý KH&CN, Bộ KH&CN

Tóm tắt:

Quản lý KH&CN ở Việt Nam trong nhiều năm qua gặp nhiều khó khăn do thiếu vắng một nền hành chính công hướng tới phát huy tối đa các nguồn lực KH&CN phục vụ cho sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Việt Nam đã trải qua 2 giai đoạn của chiến lược cải cách hành chính (1991-2001; 2001-2010), và đang triển khai giai đoạn 3 (2011-2020). Tuy nhiên, quản lý về KH&CN gần như bị tách xa khỏi xu thế cải cách hành chính chung của cả nước. Trong khi đó, KH&CN lại hiện diện ở mọi lĩnh vực của cuộc sống. Bản thân cải cách hành chính cũng chưa ứng dụng thành tựu của KH&CN hiện đại, nên việc phục vụ hoạt động quản lý nhà nước về KH&CN còn nhiều khó khăn. Do vậy trong tiến trình cải cách hành chính giai đoạn 2011-2020, nếu nội dung cải cách hành chính nhà nước không gắn liền với cải cách quản lý ở từng ngành, từng lĩnh vực để đổi mới đồng bộ thì khó có thể nói đến tính hiệu quả của cải cách hành chính cũng như hiệu quả của quản lý KH&CN.

Mục đích của bài viết này chỉ ra mối quan hệ giữa các nội dung của cải cách hành chính và mối quan hệ của các nội dung này với cải cách quản lý KH&CN bao gồm: cải cách thể chế, cải cách tổ chức bộ máy, đổi mới và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, cải cách quản lý tài chính công có liên quan đến cải cách quản lý KH&CN.

Từ khóa: Cải cách hành chính nhà nước; Quản lý KH&CN; Cải cách quản lý KH&CN.

Mã số: 14032301

1. Mối quan hệ giữa các nội dung cải cách hành chính nhà nước

1.1. Nghị quyết của Chính phủ về chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020

Chính phủ ban hành Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 về Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020. Nghị quyết có 9 điều khoản về chương trình tổng thể cải cách hành chính trong 10 năm. Mục tiêu đến năm 2020 Việt Nam cơ bản trở thành một nước công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nghị quyết số 30c/NQ-CP được ban hành là sự phát triển và kế thừa chương trình tổng thể cải cách hành chính 2001-2010 theo Quyết định số 136/2001/QĐ-TTg ngày 17/9/2001 của Thủ tướng Chính phủ.

Chương trình này đưa ra 5 mục tiêu cụ thể như sau:

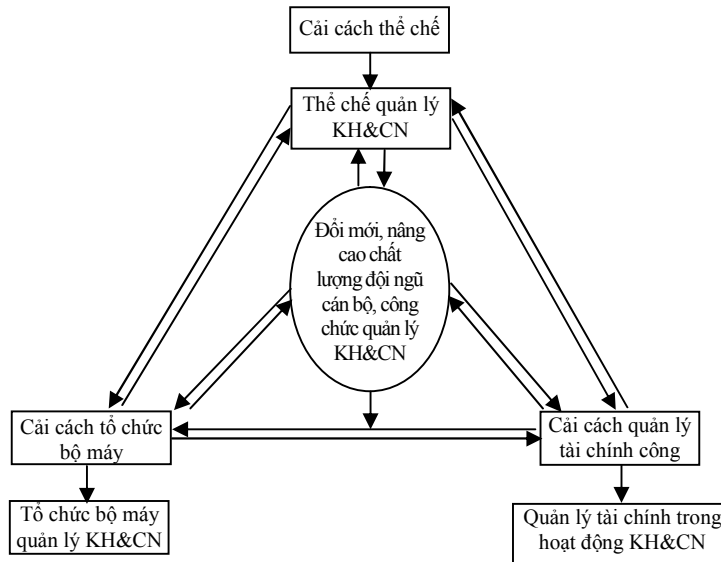
- (1) Xây dựng, hoàn thiện hệ thống thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nhằm giải phóng lực lượng sản xuất, huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển đất nước;
- (2) Tạo môi trường kinh doanh bình đẳng, thông thoáng, thuận lợi, minh bạch nhằm giảm thiểu chi phí về thời gian và kinh phí của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trong việc tuân thủ thủ tục hành chính;
- (3) Xây dựng hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước từ trung ương tới cơ sở thông suốt, trong sạch, vững mạnh, hiện đại, hiệu lực, hiệu quả, tăng tính dân chủ và pháp quyền trong hoạt động điều hành của Chính phủ và của các cơ quan hành chính nhà nước;
- (4) Bảo đảm thực hiện trên thực tế quyền dân chủ của nhân dân, bảo vệ quyền con người, gắn quyền con người với quyền và lợi ích của dân tộc, của đất nước;
- (5) Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ phẩm chất, năng lực và trình độ, đáp ứng yêu cầu phục vụ nhân dân và sự phát triển của đất nước.

Điểm mới của Chương trình cải cách hành chính giai đoạn 2011-2020 là:

- Quy định cụ thể kinh phí dành cho chương trình gồm ngân sách trung ương bảo đảm kinh phí xây dựng và thực hiện các chương trình, dự án, đề án trên quy mô toàn quốc;
- Ngân sách trung ương hỗ trợ một số địa phương khó khăn triển khai các nhiệm vụ cải cách hành chính nhằm bảo đảm sự thực hiện thống nhất, đồng bộ các chương trình, dự án, đề án cải cách hành chính có quy mô quốc gia;
- Ngân sách của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương bảo đảm kinh phí thực hiện các chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ cải cách hành chính của mình từ dự toán chi ngân sách hàng năm được cấp có thẩm quyền giao và từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Về cải cách thủ tục hành chính, sẽ cắt giảm và nâng cao chất lượng thủ tục hành chính trong tất cả các lĩnh vực quản lý nhà nước, nhất là thủ tục hành chính liên quan tới người dân, doanh nghiệp. Trọng tâm cải cách hành chính trong giai đoạn 10 năm tới là: Cải cách thể chế; xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, chú trọng cải cách chính sách tiền lương nhằm tạo động lực thực sự để cán bộ, công chức, viên chức

thực thi công vụ có chất lượng và hiệu quả cao; nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính và chất lượng dịch vụ công.



Sơ đồ 1: Mối quan hệ giữa các nội dung cải cách hành chính

Nền hành chính nhà nước được cấu thành bởi bốn yếu tố: *nhân lực (đội ngũ công chức), thể chế, tổ chức bộ máy hành chính và vật chất (tài chính và công sản)*.

Thể chế luôn là vấn đề mấu chốt và trong ba góc độ của tam giác, nó luôn đứng ở đỉnh đầu, mọi hoạt động của con người có thành công hay không phụ thuộc rất nhiều vào thể chế có phù hợp hay không, thể chế là hành lang pháp lý an toàn và tạo điều kiện cho hoạt động quản lý hành chính hiệu quả, nếu như thể chế có tính khoa học đúng đắn và phù hợp với thực tiễn. Ngược lại, nếu thể chế không khoa học, không phù hợp với thực tiễn nó sẽ là rào cản đến mọi hoạt động của con người.

Đội ngũ cán bộ, công chức giữ vai trò là trung tâm của nền hành chính nhà nước. Đội ngũ công chức chính là người ban hành ra thể chế và sinh ra tổ chức bộ máy hành chính, ngược lại thể chế và tổ chức bộ máy tác động trở lại chi phối, điều chỉnh mọi hành vi và hoạt động của đội ngũ công chức.

Nếu đội ngũ công chức có năng lực sẽ ban hành những thể chế đúng đắn, phù hợp, sắp xếp tổ chức bộ máy đúng người, đúng việc, hợp lý, gọn nhẹ, khoa học, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và chúng quay lại tạo điều kiện cho đội ngũ công chức có môi trường và cơ chế thuận lợi phát triển tài năng và nhân cách. Ngược lại, nếu đội ngũ công chức yếu kém về tài năng, thiếu nhân cách, đạo đức và thiếu các kỹ năng thì đội ngũ công chức sẽ ban hành ra các thể chế

không phù hợp, hà khắc, bộ máy hành chính quan liêu, công kênh và chúng sẽ quay lại hành hạ, kìm hãm sự phát triển của đội ngũ công chức.

Điều kiện vật chất luôn là cơ sở nền tảng nuôi dưỡng và quyết định sự tồn tại của đội ngũ công chức, tổ chức bộ máy và thể chế. Ngược lại, đội ngũ công chức, thể chế và tổ chức bộ máy cũng tác động, ảnh hưởng trực tiếp đến điều kiện vật chất. V.I.Lênin đưa ra luận điểm “vật chất quyết định ý thức”, Hồ Chí Minh cũng khẳng định “có thực mới vực được đạo” là muốn nói đến điều kiện vật chất luôn là nhu cầu nền tảng, là phương tiện có tính quyết định để đội ngũ công chức với thể chế, bộ máy của họ tồn tại. Nhưng để có điều kiện vật chất hay không phụ thuộc rất nhiều vào thể chế, cơ chế, bộ máy có hợp lý hay không và đặc biệt đội ngũ công chức có năng lực, có lương tâm, đạo đức trong quản lý tài chính hay không.

Như vậy có thể nói, đội ngũ công chức luôn là chủ thể của quản lý, ba nội dung còn lại là sự phản ánh kết quả của chủ thể giao tiếp. Do vậy, thể chế, tổ chức bộ máy và tài chính là sản phẩm và kết quả của năng lực đội ngũ công chức hành chính. Đồng thời, đội ngũ công chức cũng là sản phẩm và kết quả của thể chế, tổ chức bộ máy và điều kiện tài chính. Đây là mối quan hệ biện chứng luôn hỗ trợ và bổ sung cho nhau trong tổng thể thống nhất. Vấn đề thành công của cải cách hành chính phụ thuộc vào mối quan hệ này và đặc biệt vào chính năng lực nhận thức, thái độ và kỹ năng của đội ngũ công chức trong việc đánh giá nhìn nhận một cách khoa học và tính thực tiễn của mối quan hệ này.

2. Mối quan hệ giữa các nội dung của cải cách hành chính nhà nước với cải cách quản lý khoa học và công nghệ

2.1. Mối quan hệ giữa cải cách thể chế hành chính nhà nước với đổi mới cơ chế quản lý khoa học và công nghệ

Trong những năm của thập kỷ 60, với cơ chế kế hoạch tập trung đã đem lại sự thành công trong lĩnh vực quân sự và có những tiến bộ vượt bậc về KH&CN trong lĩnh vực này. Tuy nhiên, với cơ chế quan liêu bao cấp đã bộc lộ sự yếu kém của chính sách và quản lý kinh tế. Nguyên nhân chủ yếu là trong chính sách và cơ chế quản lý kinh tế đã thiếu cơ sở khoa học và vắng bóng vai trò của KH&CN, từ đó đã kìm hãm sự phát triển kinh tế. Việc ứng dụng thành tựu KH&CN hiện đại vào hoạch định chính sách, cơ chế quản lý là vô cùng quan trọng làm nên một thể chế hành chính nhà nước chất lượng góp phần quan trọng vào đổi mới toàn diện và đồng bộ cơ chế quản lý KH&CN nước nhà.

Bài học về cơ chế quản lý của Việt Nam sau năm 1975 đã minh chứng cho sự thất bại của thể chế kế hoạch tập trung trong phát triển KH&CN. Nếu

không cải cách thể chế nói chung và trong quản lý KH&CN nói riêng thì không thể nói đến sự phát triển của KH&CN. Đặc biệt, các thể chế về đảm bảo quyền sở hữu tài sản trí tuệ, thể chế về tiêu chuẩn, đo lường chất lượng sản phẩm, thể chế về quản lý các nhiệm vụ KH&CN, đặc biệt cơ chế tài chính cho hoạt động KH&CN.

Vì thiếu những cơ chế, chính sách trong quản lý việc đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ kéo theo một loạt các vấn đề lệch chuẩn trong hoạt động KH&CN. Do vậy vấn đề “chảy máu chất xám”, vi phạm lương tâm, đạo đức, đánh mất tài năng, lãng phí nguồn lực đã và đang xảy ra làm thui chột động lực phát triển của xã hội.

Vì thiếu một thể chế hành chính nhà nước có hàm lượng khoa học đúng đắn nên dẫn đến cơ chế quản lý KH&CN không đảm bảo được quyền tự do sáng tạo, kết quả, sản phẩm KH&CN không gắn được với thị trường. Cơ chế phối hợp giữa các bộ, ngành, lĩnh vực liên quan đến hoạt động KH&CN còn lỏng lẻo dẫn đến cơ chế quản lý KH&CN bị trói buộc, các nhà làm khoa học bị kim hãm. Vì vậy cải cách thể chế làm cơ sở cho việc đổi mới cơ chế quản lý các hoạt động KH&CN với mục tiêu cần có một cơ chế đúng đắn ràng buộc và kiểm soát để đảm bảo chất lượng, khắc phục các rào cản cho sự phát triển KH&CN cũng như áp dụng thành tựu KH&CN tiên tiến của thế giới vào Việt Nam.

Cải cách thủ tục hành chính nói chung là cơ sở cho việc cải cách thủ tục hành chính trong quản lý KH&CN. Việc giảm thiểu hành chính hóa, quan liêu hóa trong quản lý công nói chung và trong quản lý KH&CN nói riêng giúp cho việc nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ có cơ hội thành công. Thủ tục hành chính trong quản lý KH&CN bị ảnh hưởng nặng nề của thủ tục hành chính rườm rà, phức tạp, sách nhiễu và cơ chế “xin-cho” có tính ban phát của các bộ, ngành liên quan. Tình trạng “ăn chia” giữa các cơ quan phối hợp trong việc làm kế hoạch, cấp tài chính cũng như giữa các nhà quản lý và các nhà làm khoa học làm ảnh hưởng đến hoạt động KH&CN với các sản phẩm nghiên cứu khoa học, các thành tựu công nghệ là sự “cắt dán”, “đánh cắp”, không gắn với thực tiễn, lãng phí tiền của.

Việc cải cách thể chế hành chính giúp cho hạn chế việc sử dụng quyền lực của các cơ quan có thẩm quyền áp đặt cho quản lý KH&CN. Cải cách thể chế nói chung hỗ trợ ngành KH&CN phát huy quyền tự chủ, tính chuyên môn để từ đó giúp hoạt động KH&CN thực sự phải là những trí tuệ tự do sáng tạo, khuyến khích các cá nhân tự vươn lên, tự tìm tòi, phát hiện, phát minh, sáng chế và họ có thể tự làm giàu chân chính, đi bằng đôi chân và trí tuệ của mình mà không “chộp giật” “sao chép” trong nghiên cứu khoa học cũng như ứng dụng công nghệ.

Những thể chế hàm chứa tri thức khoa học và trình độ công nghệ cao là những thể chế dân chủ, nó kiểm soát được quyền lực và nó cũng là hành lang pháp lý an toàn nhằm làm ổn định, duy trì và phát triển các thành tựu KH&CN của nước nhà.

Tham nhũng chính sách chính là vấn đề của thể chế lạc hậu, chậm tiến bộ thường xảy ra ở các quốc gia chậm phát triển và chưa ứng dụng thành tựu tiến bộ của KH&CN trong việc ban hành chính sách. Một thể chế không khoa học, không tường minh là cơ sở của tham nhũng và tụt hậu vì vậy không thể phát triển KH&CN một cách đúng đắn và khó có thể nói đến công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Bất cứ cuộc cải cách thể chế hành chính nhà nước nào cũng đều hướng đến một nền hành chính nhà nước trong sạch, chuyên nghiệp, hiện đại, hiệu lực và hiệu quả. Đặc biệt, cải cách thể chế nhằm tạo ra cơ chế công khai, minh bạch, quyền lực được kiểm soát để tránh lạm dụng quyền lực và tham nhũng trong mọi hoạt động, đặc biệt là hoạt động KH&CN.

Các quyết định quản lý và thủ tục hành chính cần huy động trí tuệ của các nhà khoa học để nhận biết, đánh giá đúng đắn nhằm hạn chế các sai sót, những vấn đề cần đổi mới để có cơ chế thu hút đầu tư của nước ngoài, đổi mới KH&CN, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả trong sản xuất, kinh doanh. Từ đó có cơ chế quản lý hoạt động KH&CN rõ ràng, phù hợp nhằm thu thuế cho nhà nước, đảm bảo mọi đầu tư về KH&CN đều đem đến hiệu quả, tiết kiệm sức người, sức của. Cải cách thể chế hành chính đã đem lại động lực cho phát triển KH&CN.

Cải cách thể chế hành chính trong mối quan hệ với cải cách thể chế quản lý và phát triển KH&CN nó có tính mâu chốt để xây dựng một quốc gia hiện đại dựa trên nền tảng KH&CN tiên tiến.

2.2. Mối quan hệ giữa cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước với cải cách bộ máy tổ chức quản lý hoạt động khoa học và công nghệ

Cải cách tổ chức bộ máy nhà nước nhằm xây dựng và thiết kế các tổ chức phù hợp với chức năng nhiệm vụ, có sự phối hợp, phân công phân cấp, phân quyền rõ ràng khoa học. Hiện nay việc phối hợp giữa các cơ quan của Bộ, ngành, lĩnh vực ở trung ương và các cơ quan ở địa phương trong hoạt động quản lý KH&CN còn nhiều bất cập. Còn có sự chồng chéo chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan, đặc biệt cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý KH&CN với các cơ quan quản lý kế hoạch và tài chính còn chưa phù hợp. Điều này là rào cản lớn đến sự phát triển của KH&CN nước nhà.

Do vậy việc điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và chính quyền địa phương các

cấp, theo hướng khắc phục những chồng chéo, trùng lặp. Một số loại hoạt động quản lý KH&CN trước đây do Chính phủ và Bộ KH&CN quản lý nay phân cấp cho chính quyền địa phương và các sở KH&CN địa phương thực hiện; phân định rõ thẩm quyền của bộ, cơ quan ngang bộ; làm rõ chức năng, nhiệm vụ của cơ quan hành chính nhà nước với các doanh nghiệp và các tổ chức KH&CN.

Thực hiện Nghị quyết số 08/2004/NQ-CP ngày 30/6/2004 về tiếp tục đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước giữa Chính phủ và chính quyền tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Với tinh thần cải cách này, công tác quản lý KH&CN đã được đổi mới bằng việc thực hiện phân cấp quản lý đã góp phần tạo ra những chuyển biến tích cực trong hoạt động KH&CN ở địa phương. Quá trình thực hiện phân cấp đã gắn với cải cách thủ tục hành chính trong quản lý các nhiệm vụ KH&CN, giảm phiền hà và giải quyết nhanh gọn hơn yêu cầu của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân làm khoa học.

Việc sắp xếp, bố trí các cán bộ chuyên trách quản lý KH&CN ở địa phương là vô cùng cần thiết, đặc biệt là cấp huyện nhằm phát huy các nguồn lực KH&CN tiềm năng và sẵn có ở địa phương.

Cải cách tổ chức bộ máy hướng tới việc giao quyền tự chủ cho chính quyền địa phương. Đảm bảo sự phân công phối hợp - trách nhiệm - thẩm quyền trong mỗi vị trí rõ ràng, minh bạch hơn. Quản lý KH&CN đòi hỏi bộ máy hành chính phải gọn nhẹ hơn, giảm bớt khâu trung gian, tạo các kênh thông tin trực tiếp, tạo cơ hội phản hồi nhiều chiều hơn. Một bộ máy hành chính mà ở đó chức năng nhiệm vụ rõ ràng, sắp xếp đúng người, đúng việc, bố trí người có năng lực vào đúng vị trí sẽ là điều kiện để phát triển KH&CN của nước nhà.

2.3. Mối quan hệ giữa nội dung đổi mới, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức nói chung với công chức quản lý khoa học và công nghệ nói riêng

Nội dung đổi mới và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức liên quan trực tiếp đến năng lực của đội ngũ công chức quản lý KH&CN, nó giữ vai trò trọng tâm, có tính then chốt và là chìa khóa đem lại sự thành công của cải cách các nội dung khác (xem sơ đồ 1). Một đội ngũ cán bộ, công chức có năng lực, trong đó hội tụ đủ ba góc độ của con người về trí tuệ, cảm xúc và hành động về mối quan hệ giữa kỹ năng và năng lực, về vai trò của đội ngũ công chức quản lý KH&CN trong việc thực hiện mục tiêu phát triển KH&CN nước nhà.

Muốn đổi mới được công tác quản lý KH&CN cần phải phân cấp quản lý công chức theo ngành và lĩnh vực. Đồng thời, phải có chương trình, nội

dung và phương pháp đào tạo, bồi dưỡng phù hợp để nâng cao trình độ cho công chức quản lý có tính đặc thù ngành, lĩnh vực. Đặc biệt, phải đảm bảo chính sách đãi ngộ, cải cách tiền lương tạo động lực cho công chức hoạt động ở từng lĩnh vực. Đội ngũ công chức hành chính chỉ có chất lượng khi họ có kỹ năng nghề nghiệp theo vị trí việc làm. Năng lực chuyên môn là một trong những yếu tố cấu thành nên chất lượng của đội ngũ công chức hành chính ở từng ngành, lĩnh vực.

Một đội ngũ công chức quản lý KH&CN có chất lượng là một đội ngũ đảm bảo những tiêu chuẩn cần thiết mà thước đo cuối cùng là hiệu quả hoạt động quản lý trên thực tiễn có tính chuyên môn và nghề nghiệp cao. Hiệu quả hoạt động quản lý KH&CN trên thực tiễn được kiểm nghiệm thông qua phát huy tối đa các nguồn lực KH&CN phục vụ cho sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Vì vậy, chất lượng của đội ngũ công chức quản lý KH&CN phụ thuộc rất nhiều vào năng lực quản lý công và gắn với ngành KH&CN.

2.4. Mối quan hệ giữa cải cách tài chính công với việc đảm bảo tài chính trong quản lý hoạt động khoa học và công nghệ

Chính phủ ban hành Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 về Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 đã quyết nghị một nhiệm vụ hết sức quan trọng liên quan đến cơ chế tài chính cho quản lý KH&CN, đó là: “Đổi mới căn bản cơ chế sử dụng kinh phí Nhà nước và cơ chế xây dựng, triển khai các nhiệm vụ KH&CN theo hướng lấy mục tiêu và hiệu quả ứng dụng là tiêu chuẩn hàng đầu; chuyển các đơn vị sự nghiệp KH&CN sang cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm; phát triển các doanh nghiệp KH&CN, các quỹ đổi mới công nghệ và quỹ đầu tư mạo hiểm; xây dựng đồng bộ chính sách đào tạo, thu hút, trọng dụng, đãi ngộ xứng đáng nhân tài KH&CN”.

Nâng cao năng lực công chức quản lý tài chính công để truyền đạt những thông tin phức tạp về cải cách tài chính một cách dễ hiểu, đơn giản để cho ai cũng có thể nắm bắt được, làm được. Đơn giản hóa những phức tạp của tài chính mà không làm mất đi ý cơ bản. Làm cho mọi đối tượng tham gia quá trình ngân sách - tài chính đọc, hiểu rõ hơn về dữ liệu, kỹ năng giao tiếp trong quá trình ngân sách - tài chính phải đảm bảo giá trị đạo đức, đảm bảo tính dân chủ, công khai, minh bạch. Nội dung cải cách này làm cơ sở cho quản lý tài chính trong hoạt động KH&CN để đảm bảo trong quá trình ngân sách - tài chính cho hoạt động KH&CN hiệu quả. Truyền đạt mối liên hệ giữa quản lý ngân sách và tài chính. Cải cách chính sách thuế phải đem lại sự hài lòng và công bằng cho các nhà KH&CN. Cải cách tài chính công đòi hỏi phải gắn với đặc thù ngành, lĩnh vực. Đặc biệt như ngành KH&CN để phù hợp về mục tiêu phát triển và cân đối về ngân sách, tài chính.

Mối quan hệ giữa cải cách tài chính công và quản lý, đảm bảo tài chính cho hoạt động KH&CN. Ngược lại quản lý KH&CN cũng giúp cho việc cải cách tài chính công có hiệu quả hơn. Trong giai đoạn đầu của cải cách hành chính nhà nước Việt Nam đã đạt được một số thành tựu đáng kể, yếu tố năng suất tổng hợp đã góp phần làm nên sự tăng trưởng kinh tế, nhưng một số năm trở lại đây Việt Nam đã gặp nhiều khó khăn. Điều này cho thấy kết quả của cải cách hành chính còn hạn chế và minh chứng cho mặt hạn chế của KH&CN ở Việt Nam, trong đó nguyên nhân chính là do công tác quản lý tài chính còn nhiều bất cập từ các bộ, ngành liên quan đến hoạt động KH&CN của từng ngành.

Các cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ trên thế giới cho thấy quản lý tài chính công thiếu cơ sở KH&CN tiên tiến trong quản lý. Do thiếu nền tảng khoa học và sự ứng dụng công nghệ hiện đại trong quản lý tài chính công nói chung và tài chính cho hoạt động KH&CN nói riêng, nên tài chính cho hoạt động KH&CN gặp rất nhiều khó khăn. Cải cách tài chính công, đặc biệt là phục vụ cho hoạt động KH&CN nên hướng các tổ chức, doanh nghiệp đầu tư vào nghiên cứu khoa học và ứng dụng, chuyển giao công nghệ có hiệu quả hơn.

Đổi mới cơ chế quản lý tài chính công đi liền với thực hiện Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05/9/2005 của Chính phủ về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức KH&CN công lập đã làm tăng trách nhiệm, nâng cao tính chủ động, sáng tạo của thủ trưởng đơn vị và tổ chức KH&CN, tạo điều kiện phát triển tiềm lực cho các tổ chức KH&CN, gắn kết nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ với sản xuất, kinh doanh, đào tạo nhân lực, thu hút nguồn lực của xã hội cho hoạt động KH&CN.

Tóm lại, cải cách hành chính nhà nước ở Việt Nam đã trở nên rất cấp bách trước đòi hỏi của phát triển KH&CN. Nếu cải cách hành chính nhà nước không thành công thì khó có thể nói đến hiệu quả của cải cách quản lý KH&CN. Ngược lại nếu không cải cách quản lý KH&CN, Việt Nam sẽ không tận dụng được tiến bộ KH&CN vào cải cách hành chính./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật Khoa học và Công nghệ năm 2000.
2. Luật Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung năm 2005.
3. Luật KH&CN sửa đổi năm 2013.
4. Nghị quyết số 30c/NQ-CP Ngày 08/11/2011 của Chính phủ về Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020.

5. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI (Nghị quyết số 20-NQ/TW) về phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.
6. Quyết định số 136/2001/QĐ-TTg ngày 17/9/2001 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2001 - 2010
7. Quyết định số 677/QĐ-TTg ngày 10/5/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình đổi mới công nghệ Quốc gia đến năm 2020.
8. Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 11/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển KH&CN giai đoạn 2011 - 2020.
9. Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05/9/2005 của Chính phủ về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức KH&CN công lập.
10. Chiến lược cải cách hành chính giai đoạn 1991-2001; giai đoạn 2001-2010.